HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25/2020/NQ-HĐND	*Nghệ An, ngày 13 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số Chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Xét tờ trình số 8148/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ và thưởng thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất kinh doanh) có sản phẩm OCOP đạt hạng 03 sao trở lên;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc thực hiện các chính sách đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp. Trường hợp trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách khác nhau thì được lựa chọn một chính sách để hỗ trợ.

2. Các nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 3 Nghị quyết này là hỗ trợ sau đầu tư.

3. Việc hỗ trợ thực hiện theo dự toán ngân sách hàng năm và thứ tự ưu tiên như sau:

a) Đối với nội dung hỗ trợ tại khoản 1 Điều 3: Ưu tiên cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trang bị mới máy móc thiết bị đổi mới công nghệ, vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa;

b) Đối với nội dung hỗ trợ tại khoản 2 Điều 3: Ưu tiên cho các cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng điểm bán hàng tại trung tâm hành chính cấp huyện có đông dân cư; khu di tích lịch sử văn hóa, du lịch; các đơn vị cấp huyện có từ 10 sản phẩm đạt hạng 03 sao trở lên;

c) Đối với nội dung hỗ trợ tại khoản 3 Điều 3: Ưu tiên các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh, sản phẩm nâng hạng hàng năm, các cơ sở sản xuất kinh doanh vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa.

Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ và mức thưởng

1. Hỗ trợ 50% tổng chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm OCOP, nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở sản xuất kinh doanh và chỉ hỗ trợ một lần cho cả giai đoạn (2021 - 2025).

2. Hỗ trợ 50% tổng chi phí xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị bảo quản, trang trí điểm cho đơn vị thực hiện việc giới thiệu và bán các sản phẩm OCOP, nhưng không quá 300 triệu đồng/điểm giới thiệu và bán hàng sản phẩm OCOP và chỉ hỗ trợ 01 điểm cho mỗi huyện, thị xã và tối đa 02 điểm cho thành phố Vinh trong giai đoạn 2021-2025.

3. Hỗ trợ 50% tổng chi phí thiết kế, mua bao bì thương phẩm, mua nhãn hàng hóa, nhưng không quá 50 triệu đồng/sản phẩm và được hỗ trợ cho mỗi lần nâng hạng sao.

4. Thưởng cho mỗi sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao trở lên, với mức thưởng như sau:

a) Sản phẩm đạt hạng 3 sao: Thưởng 30 triệu đồng/sản phẩm;

b) Sản phẩm đạt hạng 4 sao: Thưởng 40 triệu đồng/sản phẩm;

c) Sản phẩm đạt hạng 5 sao: Thưởng 80 triệu đồng/sản phẩm.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

1. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này:

Máy móc, thiết bị phải mới 100% và phải có kế hoạch sản xuất, kinh doanh hoặc phương án đầu tư sản xuất do cơ sở sản xuất kinh doanh lập.

2. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này: Trang thiết bị bảo quản, trang trí phải mới 100% và có kế hoạch sản xuất, kinh doanh hoặc phương án đầu tư sản xuất do cơ sở sản xuất kinh doanh lập; có cam kết dành ít nhất 70% diện tích để trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, trong thời gian tối thiểu 5 năm liên tục và đáp ứng các tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo quy định của Bộ Công Thương.

3. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này phải đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ và thưởng

1. Về hồ sơ:

a) Đối với nội dung hỗ trợ tại khoản 1, 2, 3 Điều 3 Nghị quyết này.

- Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận sản phẩm OCOP được công nhận đạt hạng 03 sao trở lên;

- Đơn đề nghị hỗ trợ của chủ cơ sở sản xuất kinh doanh *(có mẫu đơn số 01 kèm theo);*

- Hợp đồng và biên bản bàn giao, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa cơ sở sản xuất kinh doanh với doanh nghiệp cung ứng, các hóa đơn, chứng từ liên quan, trong đó nêu rõ loại máy, chủng loại, công suất, các phụ kiện kèm theo máy; Thông báo giá của cấp có thẩm quyền hoặc chứng thư thẩm định giá của các cơ quan, đơn vị có chức năng; Kết quả nghiệm thu thực hiện chính sách *(mẫu biên bản số 02 kèm theo)*; Các chứng từ liên quan (phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, nhập kho);

- Đối với chi phí xây dựng, sửa chữa điểm giới thiệu và bán sản phẩm ngoài những hồ sơ nêu trên phải có Quyết định phê duyệt báo cáo hồ sơ thiết kế, kỹ thuật và dự toán của Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

b) Đối với nội dung thưởng tại khoản 4 Điều 3 theo Nghị quyết này

- Đơn đề nghị nhận tiền thưởng của chủ cơ sở sản xuất kinh doanh *(có mẫu đơn 03 kèm theo);*

- Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận sản phẩm OCOP được công nhận đạt hạng 03 sao trở lên.

2. Trình tự, thủ tục

a) Đối với các chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 3 Nghị quyết này:

- Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế và các điều kiện, nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này, cơ sở sản xuất kinh doanh gửi đề xuất nhu cầu hỗ trợ cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện trước ngày 20 tháng 3 hàng năm;

- Trong thời gian 02 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ sở sản xuất kinh doanh phải hoàn tất việc thực hiện các hồ sơ theo yêu cầu tại điểm a, khoản 1 Điều này nộp về Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong vòng 10 ngày làm việc phòng Tài chính cấp huyện có trách nhiệm thanh toán chính sách cho đối tượng thụ hưởng; trường hợp hồ sơ không đảm bảo quy định trong vòng 03 ngày làm việc phải thông báo để các cơ sở sản xuất kinh doanh bổ sung, hoàn thiện.

b) Đối với nội dung thưởng quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) các cơ sở sản xuất kinh doanh hoàn thiện hồ sơ thưởng theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp; trong vòng 10 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) phải thanh toán cho các đối tượng thụ hưởng.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách tỉnh đảm bảo.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (để k/t);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: http://dbndnghean.vn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Xuân Sơn

Mẫu số 01
(ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Kính gửi: .....

Tên tôi là: .....; Chủ cơ sở sản xuất kinh doanh .....có số đăng ký.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/thẻ căn cước công dân:.....; Ngày cấp: .....;

Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại: .....

Số tài khoản:.....; Tại Ngân hàng:.....

Nội dung đề nghị hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí.....

.....

.....

.....

Với tổng số tiền:.....

(Bằng chữ:.....).

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ và chịu mọi trách nhiệm theo các quy định tại Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025 và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 202..

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02
(ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
Nguồn kinh phí: .....

năm 202.....

Căn cứ Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày..../..../20.... của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ an về việc giải quyết kinh phí chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND.

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 202....

Tại .....

Thành phần Hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ gồm:

A. Đại diện Chủ đầu tư (Doanh nghiệp, đơn vị, hộ cá thể): .....

- Ông (bà): .....- Chức vụ: .....
- Ông (bà): .....- Chức vụ:.....

B. Đại diện Phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế): .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ:.....

C. Đại diện UBND xã, phường, thị trấn: .....

- Ông (bà): .....- Chức vụ: Chủ tịch (PCT) Uỷ ban nhân dân xã.
- Ông (bà): .....- Chức vụ: .....
- Ông (bà): .....- Chức vụ: .....

D. Đại diện thôn, xóm hoặc bản

- Ông (bà): .....- Chức vụ: Trưởng thôn, xóm.
- Ông (bà): .....- Chức vụ: .....

Đã tiến hành nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ:

.....
..... vụ....., năm

20.... theo Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tại..... như sau:

KẾT QUẢ NGHIỆM THU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ:

- Hội đồng nghiệm thu đã tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất kinh doanh. Kết quả cụ thể như sau:

.....

.....

.....

.....

- Hội đồng nghiệm thu chấp nhận kết quả nghiệm thu cơ sở của xã và thống nhất cho thanh toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư như sau:

+ Nội dung, khối lượng thực hiện chính sách: .....

.....

.....

.....

.....

+ Số tiền được hỗ trợ: .....đồng.

Bằng chữ:..... đồng.

(Có bảng tổng hợp kết quả nghiệm thu chi tiết kèm theo)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung thực hiện	Số lương được hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ máy móc, thiết bị chuyển giao công nghệ tiến bộ KHKT vào sản phẩm OCOP *(Chi tiết các loại máy móc thiết bị)*				
2	Hỗ trợ chi phí xây dựng sửa chữa, mua sắm trang thiết bị bảo quản, trang trí điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP *(Chi tiết nội dung sửa chữa, mua sắm)*				
3	Chi phí thiết kế, mua bao thương phẩm, mua nhãn hàng hóa cho sản phẩm đạt sao *(Chi tiết loại bao bì nhãn mác)*				
	Cộng:	...			

Biên bản đã được thông qua các thành viên tham gia và lập thành 06 bản: 01 gửi Uỷ ban nhân dân huyện; 01 bản gửi phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (phòng Kinh tế); 01 bản lưu tại cơ sở sản xuất kinh doanh; 01 bản lưu tại Uỷ ban nhân dân xã; 01 bản gửi Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, 01 bản gửi Sở Tài chính./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ *(Ký tên, đóng dấu (nếu có)*	**ĐẠI DIỆN UBND XÃ/.....** **CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu)*
ĐẠI DIỆN THÔN, XÓM HOẶC BẢN *(Ký ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN PHÒNG NN VÀ PTNT (PHÒNG KINH TẾ)** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 03
(ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THƯỞNG
Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Kính gửi: .....

Tên tôi là: .....; Chủ cơ sở sản xuất kinh doanh .....
.....có số đăng ký.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/thẻ căn cước công dân:.....; Ngày cấp: .....;

Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại: .....

Số tài khoản:.....; Tại Ngân hàng:.....

Nội dung đề nghị thưởng:

Thưởng kinh phí.....

.....

.....

.....

Với tổng số tiền:.....

(Bằng chữ:.....).

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ và chịu mọi trách nhiệm theo các quy định tại Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025 và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 202..

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)